PHÒNG GD&ĐT HUYỆN DIỄN CHÂU

TRƯỜNG MẦM NON DIỄN ĐOÀI

DANH SÁCH THU TIỀN

Đợt 1 tháng 02/2025 - Lớp: A 1

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Tài trợ, viện trợ	Mua sắm vật dụng dùng chung và đồ cá nhân	Học phí	Bán trú	Tiền ăn bán trú			Sữa học đường			Tổng số tiền của đợt	Tiền thừa được trừ	Số đã thu của đợt	Số còn phải thu	Ghi chú
			Thành tiền	Thành tiền	Thành tiền	Thành tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền					
1	NAN011900687	Nguyễn Hoài An				100.500	7		140.000	7		49.896	290.396			290.396	
2	NAN011900688	Trần Thị Bảo Anh				100.500	14		280.000	14		99.792	480.292			480.292	
3	NAN011900689	Nguyễn Thị Quỳnh Anh				100.500	14		280.000	14		99.792	480.292			480.292	
4	NAN011900690	Nguyễn Lệ Băng Băng				100.500	19		380.000	19		135.432	615.932			615.932	
5	NAN011900691	Phạm Minh Đạt				100.500	16		320.000	15		106.920	527.420			527.420	
6	NAN011900692	Ngô Cao Đạt				100.500	17		340.000	17		121.176	561.676			561.676	
7	NAN011900693	Trần Nhật Đức				100.500	19		380.000	19		135.432	615.932			615.932	
8	NAN011900694	Nguyễn Đức Hoàng Gia				100.500	19		380.000	19		135.432	615.932			615.932	
9	NAN011900695	Nguyễn Thị Ngọc Hân				100.500	17		340.000	17		121.176	561.676			561.676	
10	NAN011900696	Trần Gia Hưng				100.500	8		160.000				260.500			260.500	
11	NAN011900697	Trần Gia Huy				100.500	17		340.000	17		121.176	561.676			561.676	
12	NAN011900698	Nguyễn Duy Khang				100.500	17		340.000	17		121.176	561.676			561.676	
13	NAN011900699	Vũ Minh Khang				100.500							100.500			100.500	
14	NAN011900700	Trần Mậu Gia Lâm				100.500	15		300.000	15		106.920	507.420			507.420	
15	NAN011900701	Lê Gia Hưng				100.500	15		300.000	15		106.920	507.420			507.420	
16	NAN011900702	Nguyễn Ngọc Mỹ				100.500	18		360.000	18		128.304	588.804			588.804	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Tài trợ, viện trợ	Mua sắm vật dụng dùng chung và đồ cá nhân	Học phí	Bán trú	Tiền ăn bán trú			Sữa học đường			Tổng số tiền của đợt	Tiền thừa được trừ	Số đã thu của đợt	Số còn phải thu	Ghi chú
			Thành tiền	Thành tiền	Thành tiền	Thành tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền					
17	NAN011900703	Nguyễn Khánh Ngọc				100.500	18		360.000	18		128.304	588.804			588.804	
18	NAN011900704	Nguyễn Cao Khánh Ngọc				100.500	18		360.000	18		128.304	588.804			588.804	
19	NAN011900705	Nguyễn Thảo Nguyên				100.500	19		380.000	19		135.432	615.932			615.932	
20	NAN011900706	Đặng Khôi Nguyên				100.500	18		360.000	18		128.304	588.804			588.804	
21	NAN011900707	Đậu Đình Khôi Nguyên				100.500	18		360.000	18		128.304	588.804			588.804	
22	NAN011900708	Trần Thị Ánh Nguyệt				100.500	17		340.000	17		121.176	561.676			561.676	
23	NAN011900709	Trần Thiện Nhân				100.500	19		380.000	19		135.432	615.932			615.932	
24	NAN011900710	Nguyễn Ánh Nhi				100.500	18		360.000	19			460.500			460.500	
25	NAN011900711	Nguyễn Ngọc Như				100.500	19		380.000	19		135.432	615.932			615.932	
26	NAN011900712	Nguyễn Phi Phong				100.500	17		340.000	17		121.176	561.676			561.676	
27	NAN011900713	Trịnh Bảo Quyên				100.500	19		380.000	19		135.432	615.932			615.932	
28	NAN011900714	Ngô Như Quỳnh				100.500	19		380.000	19		135.432	615.932			615.932	
29	NAN011900715	Trần Mậu Phúc Thịnh				100.500	13		260.000	13		92.664	453.164			453.164	
30	NAN011900716	Nguyễn Thị Hoài Thu				100.500	18		360.000	18		128.304	588.804			588.804	
31	NAN011900717	Nguyễn Thị Anh Thư				100.500	19		380.000	19		135.432	615.932		615.932		
32	NAN011900718	Trần Nhã Trâm				100.500	18		360.000	18		128.304	588.804			588.804	
33	NAN011900719	Nguyễn Thị Hương Trầm				100.500	18		360.000	18		128.304	588.804			588.804	
34	NAN011900720	Trần Mậu Anh Tuấn				100.500	19		380.000	19		84.645	565.145			565.145	
35	NAN011900721	Trần Cát Tường				100.500	14		280.000	14		99.792	480.292			480.292	
36	NAN011900722	Nguyễn Thị Thảo Vy				100.500	12		240.000	12		85.536	426.036			426.036	

STT	Mã học sinh	Họ và tên	Tài trợ, viện trợ	Mua sắm vật dụng dùng chung và đồ cá nhân	Học phí	Bán trú	Tiền ăn bán trú			Sữa học đường			Tổng số tiền của đợt	Tiền thừa được trừ	Số đã thu của đợt	Số còn phải thu	Ghi chú
			Thành tiền	Thành tiền	Thành tiền	Thành tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền	Đăng ký	Tồn sd	Số tiền					
Tổng cộng						**3.618.000**	**582**		**11.640.000**	**574**		**3.905.253**	**19.163.253**		**615.932**	**18.547.321**	

Bằng chữ: Sáu trăm mười lăm nghìn chín trăm ba mươi hai đồng chẵn.

....., Ngày .... tháng .... năm .....

Ban Giám Hiệu

Người lập biểu